



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA THIÊU NIÊN TIỀN PHONG

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
QUÝ II NĂM 2016**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 17



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cho Quý II năm 2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Bá Phúc	Chủ tịch
Ông Nguyễn Chí Thành	Phó chủ tịch
Ông Nguyễn Quốc Trường	Thành viên
Ông Sakchai Patiparnpreechavud	Thành viên
Ông Đặng Quốc Dũng	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Vũ Thị Minh Nhật	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương	Thành viên
Ông Praween Wirotpan	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Quốc Trường	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trung Kiên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Chu Văn Phương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Nhật Ninh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Ngô Thị Thu Thủy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Thức	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Ngọc Báo	Kế toán trưởng

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Quốc Trường
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 07 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

MÃ SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,587,839,898,029	1,819,954,568,566
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	77,371,880,869	231,911,076,815
1. Tiền	111		77,371,880,869	221,911,076,815
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	10,000,000,000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1,036,762,613,635	893,974,549,245
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		770,336,926,910	724,975,223,692
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		168,484,709,493	53,959,231,371
3. Phải thu cho vay ngắn hạn	133		8,132,504,800	2,200,000,000
4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	5	108,020,231,612	131,051,853,362
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(18,211,759,180)	(18,211,759,180)
III. Hàng tồn kho	140	6	472,557,156,500	693,030,438,447
1. Hàng tồn kho	141		477,435,269,916	697,908,551,863
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4,878,113,416)	(4,878,113,416)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1,148,247,025	1,038,504,059
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	7	1,148,247,025	1,038,504,059
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1,367,162,373,107	1,371,184,913,136
I. Tài sản cố định	220		987,066,503,908	884,899,553,531
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	957,246,252,740	851,228,288,263
- Nguyên giá	222		1,531,634,798,651	1,347,073,115,428
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(574,388,545,911)	(495,844,827,165)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	29,820,251,168	33,671,265,268
- Nguyên giá	228		32,469,506,946	35,910,974,946
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2,649,255,778)	(2,239,709,678)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		96,757,552,344	174,176,558,360
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	10	96,757,552,344	174,176,558,360
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	11	235,284,715,766	258,008,835,766
1. Đầu tư vào công ty con	251		131,100,000,000	153,753,120,000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		105,695,883,000	105,695,883,000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1,500,000,000	1,600,000,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính DH	254		(3,011,167,234)	(3,040,167,234)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		48,053,601,089	54,099,965,479
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		48,053,601,089	54,099,965,479
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2,955,002,271,136	3,191,139,481,702

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 17 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2016

MÀU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1,251,616,387,624	1,509,361,846,103
I. Nợ ngắn hạn	310		1,108,776,233,405	1,430,850,369,423
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		83,267,623,749	79,070,943,621
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1,568,097,388	1,622,304,516
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	18,007,321,513	21,505,861,757
4. Phải trả người lao động	314		37,289,430,451	51,308,490,444
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	13	154,849,281,611	175,432,779,086
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	14	23,495,596,388	28,428,115,532
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		788,112,256,605	1,071,019,147,810
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2,186,625,700	2,462,726,657
II. Nợ dài hạn	330		142,840,154,219	78,511,476,680
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		134,840,154,219	70,511,476,680
2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		8,000,000,000	8,000,000,000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1,703,385,883,512	1,681,777,635,599
I. Vốn chủ sở hữu	410	15	1,702,745,883,512	1,681,777,635,599
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		743,673,070,000	619,730,950,000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		722,568,011,805	664,053,783,058
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		236,504,801,707	397,992,902,541
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		640,000,000	-
1. Nguồn kinh phí	432		640,000,000	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2,955,002,271,136	3,191,139,481,702



Nguyễn Quốc Trường
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 07 năm 2016

Trần Ngọc Bảo
Kế toán trưởng

Lưu Thị Mai
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Quý II năm 2016

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý này năm nay	Quý này năm trước	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (năm trước)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	16	1,092,180,016,338	912,918,379,064	1,832,337,494,726	1,504,007,676,673
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		3,083,954,425	1,375,636,415	4,321,504,042	2,408,123,214
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	16	1,089,096,061,913	911,542,742,649	1,828,015,990,684	1,501,599,553,459
4. Giá vốn hàng bán	11		732,176,988,697	620,729,369,095	1,239,320,347,753	1,052,577,514,494
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		356,919,073,216	290,813,373,554	588,695,642,931	449,022,038,965
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	46,720,739,050	47,520,620,381	88,329,173,993	82,920,776,823
7. Chi phí tài chính	22	17	14,090,327,195	13,008,742,573	27,599,380,160	22,160,877,956
8. Chi phí bán hàng	25		246,345,225,485	177,565,996,380	364,308,880,922	256,714,129,834
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		16,645,172,423	32,340,990,901	70,913,861,271	58,598,722,707
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		126,559,087,163	115,418,264,081	214,202,694,571	194,469,085,291
11. Thu nhập khác	31		8,094,679,311	1,008,455,925	8,233,136,388	1,402,890,992
12. Chi phí khác	32		6,097,413,056	12,082,548	6,726,488,787	56,928,072
13. Lợi nhuận khác	40		1,997,266,255	996,373,377	1,506,647,601	1,345,962,920
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		128,556,353,418	116,414,637,458	215,709,342,172	195,815,048,211
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	18	16,626,653,093	15,178,390,987	25,800,037,687	24,973,646,435
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		111,929,700,325	101,236,246,471	189,909,304,485	170,841,401,776
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	19	1,505	1,361	2,554	2,297
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71					



Ngày 20 tháng 07 năm 2016


Trần Ngọc Bảo
Kế toán trưởng


Lưu Thị Mai
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Quý II năm 2016

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	01	215,709,342,172	195,815,048,211
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
- Khấu hao tài sản cố định	02	79,970,474,263	45,900,037,767
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(87,524,523,205)	(82,763,925,755)
- Chi phí lãi vay	06	27,530,633,361	21,748,341,149
<i>3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi VLD</i>	08	235,685,926,591	180,699,501,372
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(52,543,816,856)	(88,888,231,141)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	220,473,281,947	219,421,506,228
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(42,249,343,412)	17,028,010,171
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	28,770,484,390	(4,144,450,793)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(28,663,182,425)	(20,720,525,174)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(27,907,435,654)	(28,559,403,574)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(350,000,000)	(20,885,252,000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	333,215,914,581	253,951,155,089
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TSDH khác	21	(114,855,270,041)	(156,868,292,707)
2. Thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	611,110,680	111,482,872,493
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	(114,244,159,361)	(45,385,420,214)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	1,132,912,338,993	913,764,799,184
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1,351,490,552,659)	(979,376,189,541)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(154,932,737,500)	(84,508,935,000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	(373,510,951,166)	(150,120,325,357)
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	50	(154,539,195,946)	58,445,409,518
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	231,911,076,815	47,935,477,750
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	77,371,880,869	106,380,887,268



Nguyễn Quốc Trường
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 07 năm 2016

Trần Ngọc Bảo
Kế toán trưởng

Lưu Thị Mai
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong (“Công ty”) tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo quy định tại Nghị định số 64/2002/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần. Việc cổ phần hóa Công ty được thực hiện theo Quyết định số 80/2004/QĐ-BCN do Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) ban hành ngày 17 tháng 08 năm 2004.

Sau cổ phần hóa, Công ty là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và giấy chứng nhận thay đổi lần thứ 10 số 0200167782 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp vào ngày 25 tháng 06 năm 2015.

Trụ sở chính: Số 02 An Đà, phường Lạch Tray, quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa dân dụng và các sản phẩm nhựa phục vụ cho ngành xây dựng, công nghiệp, nông nghiệp, ngư nghiệp, giao thông vận tải;
- Xây dựng khu chung cư, hạ tầng cơ sở, nhà cao cấp, văn phòng cho thuê, trung tâm thương mại và chợ kinh doanh;
- Xây dựng công trình kĩ thuật dân dụng khác;
- Hoạt động dịch vụ tài chính, hoạt động trung gian tiền tệ;
- Hoạt động cho thuê tài chính, đầu tư tài chính;
- Kho bãi, vận tải đường bộ và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải;
- Kinh doanh bất động sản và quyền sử dụng đất.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Báo cáo tài chính riêng được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Ghi nhận ban đầu*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay và công cụ tài chính đã được niêm yết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Tài sản	2016 (Số năm sử dụng)
Nhà cửa và vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 05
Phương tiện vận tải	03 - 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng phát sinh được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chi phí phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ngoại tệ

Công ty áp dụng hướng dẫn theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” liên quan đến nghiệp vụ bằng ngoại tệ và đã áp dụng nhất quán trong các năm trước.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty đã hết giai đoạn miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, theo đó thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp được áp dụng đúng 20% theo các quy định hiện hành.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	60,533,489	70,839,317
Tiền gửi ngân hàng	77,311,347,380	221,840,237,498
Tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng	-	10,000,000,000
	<u>77,371,880,869</u>	<u>231,911,076,815</u>

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu năm</u>
	VND	VND
Thuế thu nhập cá nhân phải thu người lao động	758,376,763	168,893,992
Phải thu công ty con	103,079,369,160	124,418,822,612
Tạm ứng cán bộ nhân viên	1,327,373,839	1,504,338,528
Ký quỹ ngắn hạn	1,172,000,000	163,000,000
Phải thu khác	1,683,111,850	4,796,798,230
	<u>108,020,231,612</u>	<u>131,051,853,362</u>

6. HÀNG TỒN KHO

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu năm</u>
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	5,212,498,770	62,869,504,106
Nguyên liệu, vật liệu	263,285,477,432	444,966,314,616
Công cụ, dụng cụ	3,928,311,642	5,818,454,546
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	68,492,089,379	52,451,322,800
Thành phẩm	136,516,892,693	131,802,955,795
	<u>477,435,269,916</u>	<u>697,908,551,863</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(4,878,113,416)	(4,878,113,416)
Giá trị thuần có thể thực hiện của hàng tồn kho	<u>472,557,156,500</u>	<u>693,030,438,447</u>

7. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU CỦA NHÀ NƯỚC

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu năm</u>
	VND	VND
Thuế thu nhập cá nhân	507,554,454	693,660,794
Thuế nhà thầu nước ngoài nộp thừa	640,692,571	344,843,265
	<u>1,148,247,025</u>	<u>1,038,504,059</u>

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH (phụ lục 01)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Cộng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2016	35,910,974,946	35,910,974,946
Giảm khác	(3,441,468,000)	(3,441,468,000)
Tại ngày 30/06/2016	32,469,506,946	32,469,506,946
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2016	(2,239,709,678)	(2,239,709,678)
Khấu hao trong kỳ	(409,546,100)	(409,546,100)
Tại ngày 30/06/2016	(2,649,255,778)	(2,649,255,778)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 30/06/2016	29,820,251,168	29,820,251,168
Tại ngày 01/01/2016	33,671,265,268	33,671,265,268

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm giá trị các công trình sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
	VND	VND
XDCB nhà máy tại Quận Dương Kinh, Hải Phòng	86,806,248,240	164,079,528,154
Khác	9,951,304,104	10,097,030,206
	96,757,552,344	174,176,558,360

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	Cuối kỳ	Đầu năm
	VND	VND
Đầu tư vào công ty con	131,100,000,000	153,753,120,000
- Công ty TNHH Nhựa Thiếu niên Tiền Phong MT	120,000,000,000	120,000,000,000
- Công ty TNHH Bất động sản Tiền Phong	11,100,000,000	11,100,000,000
- Công ty TNHH TM nhựa Năm Sao	-	22,653,120,000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	105,695,883,000	105,695,883,000
- Công ty TNHH LD Nhựa Tiền Phong SMP	23,798,883,000	23,798,883,000
- CT CP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Phía Nam	76,500,000,000	76,500,000,000
- Công ty CP Bao bì Tiền Phong	5,397,000,000	5,397,000,000
Đầu tư khác vào công cụ vốn	1,500,000,000	1,600,000,000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(3,011,167,234)	(3,040,167,234)
	235,284,715,766	258,008,835,766

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ

	Cuối kỳ	Đầu năm
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1,024,826,678	8,441,636,781
Thuế xuất nhập khẩu	355,436,176	355,936,014
Thuế thu nhập doanh nghiệp	16,627,058,659	12,708,288,962
	18,007,321,513	21,505,861,757

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu năm</u>
	VND	VND
Chiết khấu bán hàng	147,173,864,401	163,567,706,078
Phải trả các nhà thầu	1,140,910,000	1,140,910,000
Chi phí vận chuyển	3,520,762,888	3,926,057,571
Lãi vay	2,464,448,296	3,596,997,360
Chi phí phải trả khác	549,296,026	3,201,108,077
	<u>154,849,281,611</u>	<u>175,432,779,086</u>

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu năm</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	340,639,087	616,146,975
Bảo hiểm	89,669,550	469,167,551
Nhận ký quỹ	8,542,790,000	7,784,175,500
Phải trả mua cổ phần công ty TNHH Thương mại Nhựa Năm Sao		15,546,720,000
Khác	14,522,497,751	4,011,905,506
	<u>23,495,596,388</u>	<u>28,428,115,532</u>

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (phụ lục 02)

16. DOANH THU

	<u>Quý II 2016</u>	<u>Quý II 2015</u>
	VND	VND
Tổng doanh thu	1,092,180,016,338	912,918,379,064
Doanh thu bán sản phẩm	1,090,885,075,577	911,353,476,914
Doanh thu khác	1,294,940,761	1,564,902,150
Các khoản giảm trừ doanh thu	3,083,954,425	1,375,636,415
Hàng bán trả lại	3,083,954,425	1,375,636,415
Doanh thu thuần	<u>1,089,096,061,913</u>	<u>911,542,742,649</u>

Trong đó: Doanh thu được phân theo khu vực địa lý và loại hình kinh doanh như sau:

Doanh thu theo khu vực địa lý

	<u>Quý II 2016</u>	<u>Quý II 2015</u>
	VND	VND
Doanh thu bán sản phẩm	1,090,885,075,577	911,353,476,914
- Trong nước	1,088,708,074,837	906,209,941,459
- Xuất khẩu	2,177,000,740	5,143,535,455
Doanh thu khác	1,294,940,761	1,564,902,150
- Trong nước	1,294,940,761	909,508,029
- Xuất khẩu	-	655,394,121
	<u>1,092,180,016,338</u>	<u>912,918,379,064</u>

Doanh thu theo lĩnh vực kinh doanh

Hiện tại Công ty chỉ kinh doanh sản xuất các sản phẩm nhựa xây dựng, chủ yếu là ống cấp thoát nước, chưa có các hoạt động kinh doanh khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Quý II 2016	Quý II 2015
	VND	VND
Doanh thu tài chính		
Lãi tiền gửi ngân hàng	111,335,680	69,174,500
Lãi chênh lệch tỷ giá	686,540,415	29,494,728
Cổ tức nhận từ Công ty CP Bao bì Tiên Phong	499,775,000	499,775,000
Lợi nhuận chưa phân phối nhận từ Công ty TNHH Nhựa Thiếu niên Tiên Phong Miền Trung (*)	45,423,087,955	46,922,176,153
	46,720,739,050	47,520,620,381
Chi phí tài chính		
Lãi tiền vay	14,043,761,115	12,735,600,832
Lỗ do các khoản đầu tư	15,000,000	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	31,566,080	273,141,741
	14,090,327,195	13,008,742,573
Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	32,630,411,855	34,511,877,808

(*) Toàn bộ lợi nhuận của Công ty TNHH Nhựa Thiếu niên Tiên Phong Miền Trung đã được kết chuyển vào thu nhập hoạt động tài chính của Công ty mẹ

18. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Quý II 2016	Quý II 2015
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	128,556,353,418	116,414,637,458
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(45,423,087,955)	(47,421,951,153)
Thu nhập chịu thuế	83,133,265,463	68,992,686,305
Thu nhập từ hoạt động chịu thuế 20%	83,133,265,463	68,992,686,305
Thuế thu nhập doanh nghiệp	16,626,653,093	15,178,390,987

19. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Quý II 2016	Quý II 2015
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	111,929,700,325	101,236,246,471
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	74,367,307	74,367,307
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1,505	1,361

20. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

Giao dịch mua bán hàng hóa:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị VND
Công ty TNHH Nhựa Tiên Phong Miền Trung	Công ty con	Bán hàng	102,250,955,513
		Khác	3,011,701,852
		Chuyển lợi nhuận	45,423,087,955
		Mua hàng	76,438,159,938
Công ty Cổ phần nhựa Thiếu niên Tiên Phong phía Nam	Công ty liên kết	Mua hàng	63,740,946,382
		Bán hàng	65,857,680,213
Công ty CP Bao bì Tiên Phong	Công ty liên kết	Mua hàng	2,862,854,027
		Cho vay	5,932,504,800
Công ty TNHH XNK Minh Hải	Bên liên quan khác	Bán hàng	267,193,833,823

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Số dư với các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị VND
Phải thu khách hàng			
Công ty TNHH Nhựa Tiên Phong Miền Trung	Công ty con	Khác	103,079,369,160
Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiên Phong phía Nam	Công ty liên kết	Bán hàng	60,290,548,111
Công ty TNHH XNK Minh Hải	Bên liên quan khác	Bán hàng	295,784,906,004
Phải trả người bán			
Công ty CP Bao bì Tiên Phong	Công ty liên kết	Mua hàng	967,721,986
Người mua trả tiền trước			
Công ty TNHH Nhựa Tiên Phong - SMP	Công ty Liên doanh	Bán hàng	48,077,953
Phải thu khác			
Công ty CP Bao bì Tiên Phong	Công ty liên kết	Cho vay	8,132,504,800

21. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính của Công ty Quý II năm 2015.



Trần Ngọc Bảo
Kế toán trưởng

Lưu Thị Mai
Người lập

Ngày 20 tháng 07 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

Phụ lục 01: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2016	726,004,107,029	520,907,473,896	87,048,393,164	13,113,141,339	1,347,073,115,428
Đầu tư XD/CB hoàn thành	18,679,165,310	156,900,063,212	10,790,947,158	2,649,294,935	189,019,470,615
Điều chuyển tài sản với công ty con		(4,093,997,432)			(4,093,997,432)
Thanh lý, nhượng bán			(363,789,960)		(363,789,960)
Tại ngày 30/06/2016	744,683,272,339	673,713,539,676	97,475,550,362	15,762,436,274	1,531,634,798,651
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2016	(134,286,160,228)	(319,295,145,254)	(33,733,521,526)	(8,530,000,157)	(495,844,827,165)
Khấu hao trong kỳ	(30,287,551,857)	(40,850,785,898)	(6,986,676,929)	(1,435,913,479)	(79,560,928,163)
Điều chuyển tài sản với công ty con		653,419,457			653,419,457
Thanh lý, nhượng bán			363,789,960		363,789,960
Tại ngày 30/06/2016	(164,573,712,085)	(359,492,511,695)	(40,356,408,495)	(9,965,913,636)	(574,388,545,911)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 30/06/2016	580,109,560,254	314,221,027,981	57,119,141,867	5,796,522,638	957,246,252,740
Tại ngày 01/01/2016	591,717,946,801	201,612,328,642	53,314,871,638	4,583,141,182	851,228,288,263

Trong đó:

Nguyên giá TSCĐ đã hết khấu hao nhưng vẫn đang sử dụng :	249.559.718.719 VND
Nguyên giá TSCĐ dùng để thế chấp :	258,002,433,191 VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Phụ lục 02: VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2015	563,392,900,000	523,490,453,939	341,135,616,069	1,428,018,970,008
Lợi nhuận trong năm	-	-	366,612,462,976	366,612,462,976
Tăng vốn	56,338,050,000	(56,338,050,000)	-	-
Cổ tức đã trả	-	-	(84,508,935,000)	(84,508,935,000)
Trích lập các quỹ	-	196,901,379,119	(220,346,241,472)	(23,444,862,353)
Thù lao và thưởng HĐQT và BKS	-	-	(4,900,000,032)	(4,900,000,032)
Số dư tại ngày 01/01/2016	619,730,950,000	664,053,783,058	397,992,902,541	1,681,777,635,599
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	189,909,304,485	189,909,304,485
Tăng vốn	123,942,120,000	(123,942,120,000)	-	-
Trích lập các quỹ	-	182,456,348,747	(182,456,348,747)	-
Cổ tức trong kỳ	-	-	(154,932,737,500)	(154,932,737,500)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(13,658,319,072)	(13,658,319,072)
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	-	(350,000,000)	(350,000,000)
Số dư tại ngày 30/06/2016	743,673,070,000	722,568,011,805	236,504,801,707	1,702,745,883,512

